

**BỘ TÀI CHÍNH  
CỤC THUẾ**



**SỔ TAY**

**HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC QUẢN LÝ SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN  
TỬ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ NỀN TẢNG SỐ Ở NƯỚC NGOÀI THỰC  
HIỆN KHẤU TRỪ, NỘP THAY**

*Hà Nội, năm 2025*

## MỤC LỤC

|                                                           |    |
|-----------------------------------------------------------|----|
| 1. Xác định nghĩa vụ thực hiện khấu trừ, nộp thay.....    | 1  |
| 2. Đối tượng bị khấu trừ thuế.....                        | 1  |
| 3. Các loại thuế khấu trừ:.....                           | 2  |
| 4. Thời điểm thực hiện khấu trừ:.....                     | 2  |
| 5. Doanh thu thực hiện khấu trừ.....                      | 2  |
| 6. Tỷ lệ khấu trừ thuế.....                               | 3  |
| 7. Mã số thuế khấu trừ, nộp thay.....                     | 3  |
| 8. Hướng dẫn kê khai thuế khấu trừ.....                   | 4  |
| 8.1. Thời điểm khai thuế.....                             | 4  |
| 8.2. Bước chuẩn bị kê khai:.....                          | 4  |
| 8.3. Bước Kê khai:.....                                   | 9  |
| 9. Hướng dẫn về chứng từ khấu trừ thuế.....               | 13 |
| 9.1 Hướng dẫn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế..... | 13 |
| 9.2. Hướng dẫn cấp chứng từ khấu trừ thuế.....            | 15 |
| 10. Hướng dẫn tra cứu mã định danh khoản nộp.....         | 16 |

Trong bối cảnh kinh tế số phát triển mạnh mẽ, hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và nền tảng số ngày càng phổ biến, việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các cá nhân có hoạt động kinh doanh trên các nền tảng này đặt ra các yêu cầu mới đối với công tác quản lý thuế. Ngày 09/6/2025, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 117/2025/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của cá nhân. Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phối hợp thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, Cục Thuế Việt Nam đã biên soạn Sổ tay hướng dẫn dành cho tổ chức quản lý sàn thương mại điện tử nước ngoài, tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài có chức năng thanh toán thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho cá nhân có hoạt động kinh doanh trên các nền tảng.

Sổ tay này cung cấp các quy định, nguyên tắc, trình tự và nội dung thực hiện nghĩa vụ khấu trừ, kê khai, nộp thuế thay, giúp các tổ chức nắm rõ trách nhiệm và thực hiện đúng nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cục Thuế Việt Nam trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các tổ chức trong quá trình triển khai và sẽ tiếp tục đồng hành, hỗ trợ để việc thực hiện nghĩa vụ thuế được thuận lợi, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

## **1. Xác định nghĩa vụ thực hiện khấu trừ, kê khai, nộp thuế thay**

Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài có chức năng thanh toán, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài có chức năng thanh toán sẽ phải thực hiện nghĩa vụ khấu trừ, kê khai, nộp thuế thay

Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài có chức năng thanh toán là nền tảng mà người mua có thể thanh toán trực tiếp thông qua các phương tiện thanh toán như ví điện tử, thẻ ngân hàng hoặc thanh toán, chuyển khoản qua tài khoản thanh toán, hệ thống chuyển khoản tích hợp, thanh toán tiền mặt khi nhận hàng (giao hàng thu tiền hộ - Cash On Delivery) và các phương tiện thanh toán khác.

## **2. Đối tượng bị khấu trừ thuế**

- Cá nhân là đối tượng cư trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh trên Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài có chức năng thanh toán

- Cá nhân là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, có hoạt động kinh doanh trên Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài có chức năng thanh toán, có giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng tại Việt Nam.

*\* Cá nhân có hoạt động kinh doanh trên các nền tảng có trách nhiệm cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời mã số thuế và thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp (thông tin loại hình giao dịch, thông tin tình trạng cư trú và các thông tin liên quan) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp để Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài thực hiện khấu trừ thuế.*

### 3. Các loại thuế khấu trừ:

Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài thực hiện khấu trừ thuế GTGT và thuế TNCN của cá nhân có hoạt động kinh doanh trên Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu của mỗi giao dịch được hoàn tất.

### 4. Thời điểm thực hiện khấu trừ:

Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài thực hiện khấu trừ thuế của cá nhân có hoạt động kinh doanh trên Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài ngay khi đơn hàng của cá nhân được xác nhận thành công và được người mua chấp nhận thanh toán.

**5. Doanh thu thực hiện khấu trừ: là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ cá nhân được hưởng đã được Sàn TMĐT, nền tảng số nước ngoài thu hộ.**

***Ví dụ 1 (về xác định doanh thu để khấu trừ):***

*Người bán hàng hóa bán trên Sàn TMĐT X có thông tin như sau:*

- + *Giá bán hàng hóa (niêm yết trên Sàn): 1.000*
- + *Sàn giảm giá cho người mua (Voucher giảm giá của Sàn): 40*
- + *Người bán giảm giá cho người mua (Voucher giảm giá của người bán):*
- + *Sàn giảm giá phí vận chuyển cho người mua: 10*
- + *Phí vận chuyển người mua chịu: 30*
- + *Phí Sàn người bán chịu: 50*

**\* Tổng tiền hàng người mua phải thanh toán** = Giá bán hàng hóa + Phí vận chuyển người mua chịu - Sàn giảm giá cho người mua - Người bán giảm giá cho người mua - Sàn giảm giá phí vận chuyển cho người mua

$$= 1.000 + 30 - 40 - 20 - 10 = 960$$

**\* Tổng tiền hàng người bán nhận được** = Giá bán hàng hóa - Người bán giảm giá cho người mua - Phí sàn người bán chịu

$$= 1.000 - 20 - 50 = 930$$

**\* Xác định Doanh thu để khấu trừ thuế** = Giá bán hàng hóa - Người bán giảm giá cho người mua

$$= 1.000 - 20 = 980$$

### 6. Tỷ lệ khấu trừ thuế theo từng loại hình giao dịch:

| Nhóm ngành nghề                               | Thuế GTGT đối với các giao dịch hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam trừ hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu) | Thuế TNCN đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam | Thuế TNCN với cá nhân không cư trú tại Việt Nam có giao dịch hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hàng hóa                                      | 1%                                                                                                                                               | 0,5%                                          | 1%                                                                                                    |
| Dịch vụ                                       | 5%                                                                                                                                               | 2%                                            | 5%                                                                                                    |
| Vận tải/dịch vụ có gắn hàng hóa               | 3%                                                                                                                                               | 1,5%                                          | 2%                                                                                                    |
| Giao dịch không xác định được nhóm ngành nghề | 5%                                                                                                                                               | 2%                                            | 5%                                                                                                    |

### 7. Mã số thuế để kê khai, nộp thuế khi có phát sinh nghĩa vụ khấu trừ, kê khai, nộp thuế thay

Để thực hiện các thủ tục về nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam và nghĩa vụ thuế khấu trừ, Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài cần được cơ quan thuế Việt Nam cấp mã số thuế. Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài chưa có mã số thuế sẽ được cơ quan thuế Việt Nam cấp mã số thuế thông qua Cổng thông tin điện tử dành cho Nhà cung cấp ở nước ngoài của Cục Thuế Việt Nam tại địa chỉ: <https://etaxvn.gdt.gov.vn/>

*\* Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài có thể ủy quyền cho tổ chức đại diện tại Việt Nam thực hiện nghĩa vụ đăng ký thuế, khai, nộp thuế tại Việt Nam.*

Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài cần đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet;
2. Có địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Mã số thuế 10 chữ số và thông tin về tài khoản giao dịch điện tử sẽ được cơ quan thuế Việt Nam gửi vào địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài để thực hiện các thủ tục về thuế trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế Việt Nam.

Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài sử dụng mã số thuế 10 chữ số được cấp để thực hiện nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam đồng thời sử dụng mã số thuế này để kê khai và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân có hoạt động kinh doanh trên Sàn TMĐT, Nền tảng số.

*\* Các Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài đã được cơ quan thuế Việt Nam cấp mã số thuế 10 chữ số để thực hiện các thủ tục về thuế của mình tiếp tục sử dụng mã số thuế này để thực hiện các thủ tục về thuế đã khấu trừ.*

## **8. Hướng dẫn thủ tục khai thuế khấu trừ**

### **8.1. Thời điểm khai thuế**

Chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng, Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài phải thực hiện nộp hồ sơ khai thuế để thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ của tháng trước đó của cá nhân có hoạt động kinh doanh trên Sàn TMĐT, nền tảng số nước ngoài.

### **8.2. Bước chuẩn bị kê khai:**

#### **1.1 Bước tổng hợp doanh thu và thuế đã khấu trừ**

(i) Tổng hợp Doanh thu phát sinh trong kỳ khai thuế, số thuế GTGT, số thuế TNCN đã khấu trừ của từng nhóm ngành nghề của từng cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT

(ii) Trường hợp có phát sinh hàng hóa, dịch vụ bị hủy hoặc bị trả lại, tổng hợp Doanh thu, số thuế GTGT, số thuế TNCN đã khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ bị hủy hoặc bị trả lại phát sinh trong kỳ khai thuế của từng nhóm ngành nghề của từng cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT.

(iii) Thực hiện bù trừ (i) - (ii) của từng nhóm ngành nghề của từng cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT để xác định số tiền kê khai, nộp thuế.

**Bước 1.2 Khai Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử**

NNT thực hiện tải Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT từ cổng Thuế điện tử dành cho NCCNN và thực hiện khai Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT

**Mẫu số: 01-1/BK-CNKD-TMĐT**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA CÁ NHÂN  
CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  
(Kèm theo Tờ khai 01/CNKD-TMĐT)

- [01] Kỳ tính thuế: Tháng ..... năm .....
- [02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....
- [04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: .....
- [05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:.....
- [06] Tên đại lý thuế (nếu có): .....
- [07] Mã số thuế: .....
- [08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... Ngày: .....

Đơn vị tiền: ...

| ST<br>T          | Tên<br>nền<br>tảng<br>thương<br>mại<br>điện tử | Mã<br>quản lý<br>trên nền<br>tảng<br>thương<br>mại điện<br>tử của<br>người<br>bán là<br>cá nhân | Tên<br>gian<br>hàng/<br>Tên tài<br>khoản<br>trên<br>nền<br>tảng<br>thương<br>mại<br>điện tử | Họ<br>và<br>tên<br>cá<br>nhân | Mã số<br>thuế/<br>Số định<br>danh cá<br>nhân (Số<br>CCCD)/<br>Số hộ<br>chiếu/<br>Số giấy tờ<br>định danh<br>của cá<br>nhân | Cá<br>nhân<br>không<br>cư trú<br>tại<br>Việt<br>Nam | Nhóm<br>ngành<br>nghề | Doanh<br>thu<br>của cá<br>nhân | Số thuế đã khấu trừ |                    |                         |
|------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------|
|                  |                                                |                                                                                                 |                                                                                             |                               |                                                                                                                            |                                                     |                       |                                | Số<br>thuế<br>GTGT  | Số<br>thuế<br>TNCN | Tổng<br>cộng            |
| (01)             | (02)                                           | (03)                                                                                            | (04)                                                                                        | (05)                          | (06)                                                                                                                       | (07)                                                | (08)                  | (09)                           | (10)                | (11)               | (12) =<br>(10)<br>+(11) |
| 1                |                                                |                                                                                                 |                                                                                             |                               |                                                                                                                            | <input type="checkbox"/>                            |                       |                                |                     |                    |                         |
| 2                |                                                |                                                                                                 |                                                                                             |                               |                                                                                                                            | <input type="checkbox"/>                            |                       |                                |                     |                    |                         |
| ...              |                                                |                                                                                                 |                                                                                             |                               |                                                                                                                            | <input type="checkbox"/>                            |                       |                                |                     |                    |                         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                |                                                                                                 |                                                                                             |                               |                                                                                                                            |                                                     |                       |                                |                     |                    |                         |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)/Ký điện tử)**Ghi chú:**

- Tên nền tảng thương mại điện tử (cột 02): Ghi đầy đủ tên tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

- Cá nhân không cư trú (cột 07): Tích vào ô này nếu kê khai khấu trừ thuế của cá nhân không cư trú

- Nhóm ngành nghề (cột 08): (01) Hàng hóa; (02) Dịch vụ; (03) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ. Trường hợp một gian hàng kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc các nhóm ngành nghề khác nhau thì mỗi ngành nghề kê khai một dòng.

- Doanh thu của cá nhân (cột 09): Kê khai doanh thu phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi doanh thu của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

- Số thuế GTGT (cột 10): Kê khai số thuế GTGT đã khấu trừ phát sinh

trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi thuế GTGT đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

- Số thuế TNCN (cột 11): Khai số thuế TNCN đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng nhóm ngành nghề (sau khi đã trừ đi thuế TNCN đã khấu trừ của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng).

**Ví dụ 2 (về khai thuế):**

*Các thông tin cụ thể như sau:*

- Tháng 05/2025, người bán là cá nhân không cư trú tại Việt Nam (MST 123456789, họ và tên: Victor Bravo) có hoạt động kinh doanh phát sinh các giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng tại Việt Nam trên Sàn TMĐT nước ngoài X như sau:

+ Phát sinh 10 giao dịch bán hàng hóa với tổng doanh thu: 1.000 (doanh thu 1 đơn hàng là 100); Sàn TMĐT X không khấu trừ thuế GTGT (Thuế GTGT đã được khai nộp ở khâu nhập khẩu), đã khấu trừ thuế TNCN: 10

+ Phát sinh 5 giao dịch cung cấp dịch vụ với tổng doanh thu: 2.000 (doanh thu 1 đơn hàng là 400); Sàn TMĐT đã khấu trừ thuế GTGT: 100, khấu trừ thuế TNCN: 100

Sàn TMĐT X kê khai số thuế đã khấu trừ tháng 5/2025 tại Bảng kê mẫu số 01-1/BK-CNKD-TMĐT như sau:

*Đơn vị tính: ...*

| STT               | Tên sàn giao dịch TMĐT / Tên nền tảng số | Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT T của người bán là cá nhân | Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng TMĐT | Họ và tên cá nhân | Mã số thuế/ Số định danh (CCCD)/ Số hộ chiếu/Số giấy tờ định danh của cá nhân | Cá nhân không cư trú tại Việt Nam | Nhóm ngành nghề | Doanh thu của cá nhân | Số thuế đã khấu trừ |              |                    |
|-------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|--------------|--------------------|
|                   |                                          |                                                               |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                 |                       | Số thuế GTGT        | Số thuế TNCN | Tổng cộng          |
| (01)              | (02)                                     | (03)                                                          | (04)                                                 | (05)              | (06)                                                                          | (07)                              | (08)            | (09)                  | (10)                | (11)         | (12) = (10) + (11) |
| 1                 | Sàn TMĐT X                               | 010203                                                        | Gian hàng A                                          | Victor Bravo      | 123456789                                                                     | x                                 | HH              | 1.000                 |                     | 10           | 10                 |
| 2                 | Sàn TMĐT X                               | 010203                                                        | Gian hàng A                                          | Victor Bravo      | 123456789                                                                     | x                                 | DV              | 2.000                 | 100                 | 100          | 200                |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                          |                                                               |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                 | <b>3.000</b>          | <b>100</b>          | <b>110</b>   | <b>210</b>         |

**Ví dụ 3 (về khai thuế khi có hàng hóa, dịch vụ bị hủy, trả lại):**

Thông tin tương tự như tình huống tại Ví dụ 2 và thông tin phát sinh các giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong tháng 6/2025 như sau:

- Giao dịch bán hàng hóa:

+ Không phát sinh giao dịch bán hàng hóa trong tháng 6/2025.

+ Trong tháng 6/2025: Hàng hóa đã giao dịch trong tháng 5/2025 bị trả lại 04 đơn hàng, với tổng doanh thu: 400 (doanh thu 1 đơn hàng là 100); Sản phẩm TMĐT đã khấu trừ thuế GTGT: 0, khấu trừ thuế TNCN: 4).

- Giao dịch cung cấp dịch vụ:

+ Phát sinh 10 giao dịch cung cấp dịch vụ với tổng doanh thu: 4.000 (doanh thu 1 đơn hàng là 400); Sản phẩm TMĐT đã khấu trừ thuế GTGT: 200, khấu trừ thuế TNCN: 200

+ Dịch vụ đã giao dịch trong tháng 5/2025 bị hủy trong tháng 6/2025 là 2 đơn hàng, có tổng doanh thu là 800, Sản phẩm TMĐT đã khấu trừ thuế GTGT: 40, khấu trừ thuế TNCN: 40.

+ Dịch vụ đã giao dịch trong tháng 6/2025 và bị hủy trong tháng 6/2025 là 03 đơn hàng, có tổng doanh thu là 1.200, với số thuế GTGT và TNCN đã bị khấu trừ trong tháng 6/2025 lần lượt là: 60 và 60.

Sản phẩm TMĐT X thực hiện bước chuẩn bị 1.1 - Bước tổng hợp doanh thu và thuế đã khấu trừ tháng 6/2025 như sau:

(i) Tổng hợp Doanh thu phát sinh trong kỳ khai thuế, số thuế GTGT, số thuế TNCN đã khấu trừ của từng nhóm ngành nghề của từng cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT

|   |                 |        |             |              |           |   |    |       |     |     |     |
|---|-----------------|--------|-------------|--------------|-----------|---|----|-------|-----|-----|-----|
| 1 | Sản phẩm TMĐT X | 010203 | Gian hàng A | Victor Bravo | 123456789 | X | HH | 0     | 0   | 0   | 0   |
| 2 | Sản phẩm TMĐT X | 010203 | Gian hàng A | Victor Bravo | 123456789 | X | DV | 4.000 | 200 | 200 | 400 |

(ii) Trường hợp có phát sinh hàng hóa, dịch vụ bị hủy hoặc bị trả lại, tổng hợp Doanh thu, số thuế GTGT, số thuế TNCN đã khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ bị hủy hoặc bị trả lại phát sinh trong kỳ khai thuế của từng nhóm ngành nghề của từng cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT.

|   |                    |            |                |                 |               |   |    |                        |                    |                    |     |
|---|--------------------|------------|----------------|-----------------|---------------|---|----|------------------------|--------------------|--------------------|-----|
| 1 | Sàn<br>TMĐT<br>T X | 01020<br>3 | Gian<br>hàng A | Victor<br>Bravo | 12345678<br>9 | x | HH | 400                    | 0                  | 4                  | 4   |
| 2 | Sàn<br>TMĐT<br>T X | 01020<br>3 | Gian<br>hàng A | Victor<br>Bravo | 12345678<br>9 | x | DV | 2000<br>(800+1200<br>) | 100<br>(40+60<br>) | 100<br>(40+60<br>) | 200 |

(iii) Thực hiện bù trừ (i) - (ii) của từng nhóm ngành nghề của từng cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT để xác định số tiền kê khai, nộp thuế.

|   |                  |        |                |                 |           |   |    |                          |                      |                      |          |
|---|------------------|--------|----------------|-----------------|-----------|---|----|--------------------------|----------------------|----------------------|----------|
| 1 | Sàn<br>TMĐT<br>X | 010203 | Gian<br>hàng A | Victor<br>Bravo | 123456789 | x | HH | -400<br>(0-400)          |                      | -4 (0-4)             | -4 (0-4) |
| 2 | Sàn<br>TMĐT<br>X | 010203 | Gian<br>hàng A | Victor<br>Bravo | 123456789 | x | DV | 2.000<br>(4000-2<br>000) | 100<br>(200-10<br>0) | 100<br>(200-10<br>0) | 200      |

Sàn TMĐT X kê khai trên Bảng kê mẫu số 01-1/BK-CNKD-TMĐT tháng 6/2025 như sau:

| STT               | Tên sàn giao dịch TMĐT / Tên nền tảng số | Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT T của người bán là cá nhân | Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng TMĐT | Họ và tên cá nhân | Mã số thuế/ Số định danh (CCCD)/ Số hộ chiếu/Số giấy tờ định danh của cá nhân | Cá nhân không cư trú Tại Việt Nam | Nhóm ngành h nghề | Doanh thu của cá nhân | Số thuế đã khấu trừ |              |                    |
|-------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------|--------------|--------------------|
|                   |                                          |                                                               |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                   |                       | Số thuế GTGT        | Số thuế TNCN | Tổng cộng          |
| (01)              | (02)                                     | (03)                                                          | (04)                                                 | (05)              | (06)                                                                          | (07)                              | (08)              | (09)                  | (10)                | (11)         | (12) = (10) + (11) |
| 1                 | Sàn TMĐT X                               | 010203                                                        | Gian hàng A                                          | Victor Bravo      | 123456789                                                                     | X                                 | HH                | -400                  |                     | -4           | -4                 |
| 2                 | Sàn TMĐT X                               | 010203                                                        | Gian hàng A                                          | Victor Bravo      | 123456789                                                                     | x                                 | DV                | 2.000                 | 100                 | 100          | 200                |
| ...               |                                          |                                                               |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                   |                       |                     |              |                    |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                          |                                                               |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                   | <b>1.600</b>          | <b>100</b>          | <b>96</b>    | <b>196</b>         |

### 8.3. Bước kê khai:

#### 8.3.1 Đăng nhập vào Cổng TTĐT

Lựa chọn kỳ thuế

Lựa chọn loại tiền kê khai

Lựa chọn loại tiền nộp thuế.

\* Hiện tại trên hệ thống đang hỗ trợ NCCNN có thể kê khai và nộp thuế bằng 14 loại tiền tự do chuyển đổi.

#### 8.3.2 Khai Mẫu 01/CNKD-TMĐT

Người nộp thuế khai Mẫu 01/CNKD-TMĐT từ thông tin đã khai tại Bảng kê chi tiết Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT tại bước Chuẩn bị 1.2.

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm .....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: .....

[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay:.....

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[07] Mã số thuế: .....

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... Ngày: .....

*Đơn vị tiền: ...*

| STT | Nhóm ngành nghề                                             | Mã chỉ tiêu | Doanh thu của cá nhân | Số thuế đã khấu trừ |           |                 |
|-----|-------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|---------------------|-----------|-----------------|
|     |                                                             |             |                       | Thuế GTGT           | Thuế TNCN | Tổng cộng       |
| (1) | (2)                                                         | (3)         | (4)                   | (5)                 | (6)       | (7) = (5) + (6) |
| 1   | Cung cấp hàng hóa                                           | [09]        |                       |                     |           |                 |
| 2   | Cung cấp dịch vụ                                            | [10]        |                       |                     |           |                 |
| 3   | Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa                        | [11]        |                       |                     |           |                 |
| 4   | Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ | [12]        |                       |                     |           |                 |
|     | <b>Tổng cộng:</b>                                           | [13]        |                       |                     |           |                 |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

**Bước 2.3. Kiểm tra lại nội dung đã khai**

Hệ thống sẽ hiển thị 1 lần nữa các nội dung trong tờ khai để NNT có thể kiểm tra lại. NNT đính kèm file Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT theo định dạng excel hoặc XML và các hồ sơ liên quan (nếu có) sau đó bấm nộp tờ khai.

**Bước 2.4.** NNT thực hiện nhập mã xác thực được gửi tự động vào email và hoàn thành việc nộp hồ sơ khai thuế.

**Bước 3. Khai bổ sung**

Khi phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp có sai, sót, Tổ chức quản lý Sàn TMĐT nước ngoài, Tổ chức quản lý nền tảng số nước ngoài khai bổ sung hồ sơ khai thuế như sau:

**Bước 3.1 Bước chuẩn bị**

Điều chỉnh các thông tin sai, sót tại Bảng kê 01-1/BK-CNKD-TMĐT

**Ví dụ 4 (về khai bổ sung):**

*Tiếp theo Ví dụ 2 (về khai thuế), trường hợp tháng 6/2025 Sàn TMĐT X phát hiện có sai sót trong kỳ khai thuế tháng 5/2025, thông tin cụ thể như sau:*

+ Sàn TMĐT X kê khai thiếu 02 đơn bán hàng hóa đã phát sinh trong tháng 05/2025 của ông Victor Bravo với doanh thu kê khai sót là 200, số thuế GTGT đã khấu trừ là 0; thuế TNCN đã khấu trừ là 10.

+ Sàn TMĐT X kê khai thiếu người bán cá nhân cư trú Việt Nam có tên Nguyen Van Tan có MST: 0812345678 với doanh thu bán hàng hóa 4 đơn hàng là 1200, thuế GTGT đã khấu trừ là 12, thuế TNCN đã khấu trừ là 6.

*Sàn TMĐT X kê khai bổ sung như sau:*

*Tại bảng kê 01-1/BK-CNKD-TMĐT, tổ chức khấu trừ*

+ Thay thế các dòng dữ liệu có thay đổi thông tin (dòng 1)

+ Giữ nguyên thông tin các dòng không có thay đổi (dòng 2)

+ Bổ sung thêm dòng dữ liệu thiếu của người bán Nguyen Van Tan (dòng

3)

*Cụ thể khai bảng kê 01-1/BK-CNKD-TMĐT bổ sung như sau:*

| STT               | Tên sản giao dịch TMĐT / Tên nền tảng số | Mã quản lý trên sản giao dịch TMĐT của người bán là cá nhân | Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng TMĐT | Họ và tên cá nhân | Mã số thuế/ Số định danh (CCCD)/ Số hộ chiếu/Số giấy tờ định danh của cá nhân | Cá nhân không cư trú Tại Việt Nam | Nhóm ngành nghề | Doanh thu của cá nhân | Số thuế đã khấu trừ |              |                    |
|-------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|--------------|--------------------|
|                   |                                          |                                                             |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                 |                       | Số thuế GTGT        | Số thuế TNCN | Tổng cộng          |
| (01)              | (02)                                     | (03)                                                        | (04)                                                 | (05)              | (06)                                                                          | (07)                              | (08)            | (09)                  | (10)                | (11)         | (12) = (10) + (11) |
| 1                 | Sàn TMĐT X                               | 010203                                                      | Gian hàng A                                          | Victor Bravo      | 123456789                                                                     | x                                 | HH              | 1.200                 | 0                   | 12           | 12                 |
| 2                 | Sàn TMĐT X                               | 010203                                                      | Gian hàng A                                          | Victor Bravo      | 123456789                                                                     | x                                 | DV              | 2.000                 | 100                 | 100          | 200                |
| 3                 | Sàn TMĐT X                               | 010204                                                      | Gian hàng B                                          | Nguyen Van Tan    | 0812345678                                                                    |                                   | HH              | 1.200                 | 0                   | 12           | 6                  |
| <b>Tổng cộng:</b> |                                          |                                                             |                                                      |                   |                                                                               |                                   |                 | <b>4.400</b>          | <b>100</b>          | <b>172</b>   | <b>272</b>         |

### Bước 3.2. Đăng nhập vào Cổng TTĐT

Bấm chọn KHAI THUẾ

**Bước 3.3 Điều chỉnh các thông tin sai, sót tại tờ khai 01/CNKD-TMĐT từ thông tin đã khai điều chỉnh tại Bảng kê chi tiết Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT tại bước Chuẩn bị 4.1.**

Hệ thống sẽ hiển thị 1 lần nữa các nội dung trong tờ khai để NNT có thể kiểm tra lại. NNT đính kèm file Mẫu 01-1/BK-CNKD-TMĐT theo định dạng excel hoặc XML và các hồ sơ liên quan (nếu có) sau đó bấm nộp tờ khai.

**Bước 3.4. NNT thực hiện nhập mã xác thực được gửi tự động vào email và hoàn thành việc nộp hồ sơ khai thuế.**

### Bước 4. Nộp thuế

#### Bước 4.1. Nộp thuế

Sau khi hoàn thành nộp hồ sơ khai thuế, NNT sẽ nhận 01 email về Xác nhận nộp tờ khai và hướng dẫn nộp thuế của cơ quan thuế Việt Nam, bao gồm các thông tin:

Mã định danh khoản nộp

Tổng số tiền

Loại tiền phải nộp

Số tài khoản

Mã swift của Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước mở tại Vietcombank và nội dung chuyển tiền.

NNT thực hiện chuyển tiền theo đúng chính xác nội dung đã được thông báo trong email đến số tài khoản của Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước

#### **Bước 4.2. Khai Mẫu số 01/BKNT-TMĐT và nộp cho cơ quan thuế**

**Mẫu số: 01/BKNT-TMĐT**

#### **BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

(Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước: Số....., số tham chiếu....., ngày ..../.../....)

[01] Ngày lập: ..../.../....

[02] Lần gửi thứ:....

[03] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử:.....

[04] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: .....

[05] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):.....

[06] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:.....

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[08] Mã số thuế: .....

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... Ngày: .....

Đơn vị tiền: ...

| STT | Mã số thuế/Số định danh cá nhân<br>(Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy<br>tờ định danh của cá nhân | Họ<br>và<br>tên<br>cá<br>nhâ<br>n | Nội dung<br>các khoản<br>nộp<br>NSNN<br>(Tiểu<br>mục) | Số tiền<br>nộp<br>NSNN |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|
| (1) | (2)                                                                                            | (3)                               | (4)                                                   | (5)                    |
| 1   |                                                                                                |                                   |                                                       |                        |
| 2   |                                                                                                |                                   |                                                       |                        |
| ... |                                                                                                |                                   |                                                       |                        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                               |                                   |                                                       |                        |

#### **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP  
THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

**Ghi chú:**

1. Mỗi chứng từ nộp NSNN người nộp thuế lập một Bảng kê chi tiết tương ứng.
2. Tổng số tiền đã nộp NSNN trên cột (5) trên Bảng kê này phải bằng tổng tiền tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đã nộp trên chứng từ nộp NSNN.

**9. Hướng dẫn về chứng từ khấu trừ thuế**

Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài có chức năng thanh toán thực hiện đăng ký sử dụng, xử lý chứng từ khấu trừ thuế, cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của đối tượng bị khấu trừ thuế tại điểm 2 Sổ tay.

**9.1 Hướng dẫn đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế**

Sàn TMĐT nước ngoài, nền tảng số nước ngoài đăng ký sử dụng chứng từ khấu trừ thuế **trên Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp ở nước ngoài** theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

**Hướng dẫn khai tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT:**

**Mẫu số: 01/ĐKTĐ-CTĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI**

**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử**

☐ Đăng ký mới

☐ Thay đổi thông tin

|                             |                           |
|-----------------------------|---------------------------|
| Tên người nộp thuế: .....   |                           |
| Mã số thuế: .....           |                           |
| Cơ quan thuế quản lý: ..... |                           |
| Người liên hệ: .....        | Điện thoại liên hệ: ..... |
| Địa chỉ liên hệ: .....      | Thư điện tử: .....        |

Theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng chứng từ điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng chứng từ điện tử như sau:

### 1. Đối tượng phát hành

Tổ chức, cá nhân phát hành  
Cơ quan thuế phát hành

### 2. Loại hình sử dụng

Chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số

☐ Biên lai điện tử

o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá

o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá

o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí

Không chọn nội dung này

### 3. Hình thức gửi dữ liệu:

a. ☐ Trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế

b. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

c. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác

### 4. Danh sách chứng thư số sử dụng:

| STT | Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử | Số sê-ri chứng thư | Thời hạn sử dụng chứng thư số |          | Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng) |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|----------|------------------------------------------------------|
|     |                                                                        |                    | Từ ngày                       | Đến ngày |                                                      |
|     |                                                                        |                    |                               |          |                                                      |
|     |                                                                        |                    |                               |          |                                                      |
|     |                                                                        |                    |                               |          |                                                      |

### 5. Đăng ký ủy nhiệm lập biên lai

| STT | Tên loại biên | Ký hiệu mẫu biên lai ủy nhiệm | Ký hiệu biên | Tên tổ chức được ủy nhiệm/tổ | Mục đích ủy nhiệm | Thời hạn ủy nhiệm | Phương thức thanh toán |
|-----|---------------|-------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|-------------------|------------------------|
|-----|---------------|-------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|-------------------|------------------------|

|     | <b>lai ủy<br/>nhiệm</b> |     | <b>lai ủy<br/>nhiệm</b> | <b>chức ủy<br/>nhiệm</b> |     |     | <b>biên<br/>lai ủy<br/>nhiệm</b> |
|-----|-------------------------|-----|-------------------------|--------------------------|-----|-----|----------------------------------|
| (1) | (2)                     | (3) | (4)                     | (5)                      | (6) | (7) | (8)                              |
|     |                         |     |                         |                          |     |     |                                  |

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
*(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)*

### 9.2. Hướng dẫn cấp chứng từ khấu trừ thuế

Tổ chức khấu trừ thực hiện cấp chứng từ khấu trừ thuế theo năm bằng phương thức điện tử và **không phải truyền dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế cho cơ quan thuế**. Mẫu chứng từ khấu trừ thuế thương mại điện tử theo Mẫu số 01/CTKT-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

**Mẫu số: 01/CTKT-TMĐT**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  
 Năm: ...

Mẫu số:  
 Ký hiệu:  
 Số:

#### I. THÔNG TIN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ THUẾ

- [01] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử : .....  
 [02] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: .....  
 [03] Địa chỉ: .....  
 [04] Điện thoại: .....

#### II. THÔNG TIN GIAN HÀNG HOẶC HỘ, CÁ NHÂN

- [05] Tên gian hàng/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử :.....  
 [06] Tên hộ/Hộ và tên cá nhân: .....  
 [07] Mã số thuế: .....  
 [08] Quốc tịch: .....  
 [09] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ: .....  
 [10] Số CCCD hoặc số giấy tờ định danh (Trường hợp không có mã số thuế):...

| STT | Nhóm ngành nghề                      | Mã chỉ tiêu | Doanh thu của hộ, cá nhân | Số thuế đã khấu trừ |           |                 |
|-----|--------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------|-----------|-----------------|
|     |                                      |             |                           | Thuế GTGT           | Thuế TNCN | Tổng cộng       |
| (1) | (2)                                  | (3)         | (4)                       | (5)                 | (6)       | (7) = (5) + (6) |
| 1   | Cung cấp hàng hóa                    | [11]        |                           |                     |           |                 |
| 2   | Cung cấp dịch vụ                     | [12]        |                           |                     |           |                 |
| 3   | Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa | [13]        |                           |                     |           |                 |

|   |                                                             |      |  |  |  |  |
|---|-------------------------------------------------------------|------|--|--|--|--|
| 4 | Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ | [14] |  |  |  |  |
|   | <b>Tổng cộng:</b>                                           | [15] |  |  |  |  |

....., ngày... tháng... năm .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ, NỘP THAY**  
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

### III. THÔNG TIN SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ

Đơn vị tiền: ...

#### 10. Hướng dẫn tra cứu mã định danh khoản nộp

Sau khi thực hiện chuyển tiền, NNT có thể tra cứu mã định danh khoản nộp bằng chức năng tra cứu mã định danh khoản nộp trên Cổng thông tin etaxvn.gdt.gov.vn.


**THUẾ VIỆT NAM**
9000001183

ĐĂNG KÝ THUẾ KHAI THUẾ TRA CỨU MÃ ĐỊNH DANH KHOẢN NỘP TRA CỨU HỒ SƠ ĐÃ NỘP HỖ TRỢ

Tra cứu mã định danh khoản nộp

Mã định danh khoản nộp

Mã giao dịch

Kỳ thuế

▼

Từ ngày

Đến ngày

Tra cứu

1 Trang 1 / Tổng số 1 trang. Tổng số bản ghi 1. Đi đến trang

| STT | ID khoản nộp     | Số tiền kê khai trên tờ khai |           | Ngày phát sinh (ngày nộp tờ khai) | Số đã nộp |
|-----|------------------|------------------------------|-----------|-----------------------------------|-----------|
|     |                  | Số tiền                      | Loại tiền |                                   |           |
| 1   | 3032022000081301 | 100.00                       | GBP       | 03/06/2022 13:41:52               |           |